

Bản án số: 99/2018/KDTM-ST

Ngày: 30/10/2018

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu

2. Ông Ngô Hữu Quang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Lê Anh–Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2018/KTST ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2018/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2018/QĐST-KDTM ngày 5/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH P

Trụ sở: Số 582 đường N, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện pháp luật: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1965; Chức vụ: Giám đốc (có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần G

Trụ sở: 27 đường T, phường Tân H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Đức V; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số A1/4 khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Thành N (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 28/8/2018 của Công ty Cổ phần G) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH P, có bà Ngô Thị L đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 21 tháng 3 năm 2017, nguyên đơn Công ty TNHH P (Sau đây gọi là nguyên đơn) và bị đơn Công ty Cổ phần G (Sau đây gọi là bị đơn) có ký hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số: 01/GRO-PHN/HĐMB-2017.

Ngày 10 tháng 5 năm 2017, nguyên đơn và bị đơn lập biên bản đối chiếu công nợ, theo biên bản xác nhận nợ bị đơn còn nợ tổng cộng số tiền là: 1.693.703.300 đồng.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, nguyên đơn và bị đơn có biên bản thỏa thuận, bị đơn còn nợ tổng cộng số tiền là: 1.282.251.250 đồng. Sau ngày 10 tháng 11 năm 2017, bị đơn đã thanh toán thêm cho nguyên đơn thêm nhiều đợt tiền, với tổng cộng số tiền là: 280.000.000 đồng. Hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.002.251.250 đồng

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ, nhưng phía bị đơn vẫn không thanh toán số tiền còn nợ trên. Nên ngày 05/3/2018 nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 7, yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền tổng cộng 1.155.259.772 đồng, trong đó nợ gốc là 1.002.251.250 đồng cộng số tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày ký biên bản 10/11/2017 tạm tính đến ngày 05/3/2018 là 153.008.522 đồng, theo mức lãi suất 1%/tháng theo biên bản thỏa thuận nợ ngày 10/11/2017).

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ là 1.002.251.250 đồng (Một tỷ hai triệu hai trăm năm nghìn hai trăm năm mươi đồng) (A)

- Về tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo biên bản thỏa thuận ngày 10/11/2017, nguyên đơn có thay đổi phần lãi và mức tính lãi, cụ thể tiền lãi nguyên đơn tính từ ngày 26/01/2018 (ngày cuối cùng bị đơn có thanh toán tiền) tạm tính cho đến ngày 26/10/2018, với lãi suất 9%/năm, tức 0,75%/tháng theo mức lãi suất của nhà nước cho đến khi bị đơn trả hết nợ, nhằm tạo điều kiện để bị đơn thanh toán hết khoản nợ trên, tức tiền lãi 9 tháng x 1.002.251.250 đồng x 0,75%/ tháng = 67.651.875 đồng (B)

Tổng cộng: (A) + (B) = Tiền nợ 1.002.251.250 đồng + Tiền lãi 67.651.875 đồng = 1.069.913.125 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều 26 đến Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng qui định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 21 tháng 3 năm 2017 nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số: 01/GRO-PHN/HĐMB-2017.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017 nguyên đơn và bị đơn có biên bản thỏa thuận, theo đó bị đơn còn nợ tổng cộng số tiền là: 1.282.251.250 đồng. Nguyên đơn xác nhận sau khi lập biên bản thỏa thuận xác nhận nợ vào ngày 10 tháng 11 năm 2017, bị đơn đã thanh toán thêm cho nguyên đơn làm nhiều đợt, với tổng cộng số tiền là: 280.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc mua hàng hóa chưa thanh toán là 1.002.251.250 đồng (Một tỷ hai triệu hai trăm năm một nghìn hai trăm năm mươi đồng),

Tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trên số tiền tiền chậm trả, nguyên đơn đề nghị chỉ tính từ ngày 26/01/2018 (ngày cuối cùng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán) tạm tính cho đến ngày 26/10/2018 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm), với lãi suất 9%/năm, tức 0,75%/ tháng cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ, đây là ý kiến tự nguyện của nguyên đơn, nên đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về án phí kinh doanh thương mại: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, đây là tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Công văn số 4128/ĐKKD-THKT ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn Công ty Cổ phần G có trụ sở chính tại: 27 đường T, phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Nguyên đơn Công ty TNHH P có bà Ngô Thị L là người đại diện theo pháp luật, có mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

[2.2] Bị đơn Công ty Cổ phần G, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Do đó, Hội

đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần G theo quy định tại điểm b, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng mua bán hàng hóa.

Xét, căn cứ hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số: 01/GRO-PHN/HĐMB-2017 ngày 21 tháng 3 năm 2017 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 10 tháng 5 năm 2017 giữa nguyên đơn và bị đơn, bị đơn xác nhận còn nợ tổng cộng số tiền là: 1.693.703.300 đồng.

Căn cứ vào Điều 1 của Biên bản thỏa thuận ngày 10 tháng 11 năm 2017 giữa nguyên đơn và bị đơn, tính đến ngày 10/11/2017 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 1.282.251.250 đồng.

Căn cứ vào các chứng từ giao dịch của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương chi nhánh Biên Hòa Đồng Nai do nguyên đơn cung cấp giấy báo có:

Ngày 17.11.2017 có 30.000.000 đồng vào tài khoản nguyên đơn,

Ngày 26.11.2017 có 30.000.000 đồng vào tài khoản nguyên đơn,

Ngày 04.12.2017 có 30.000.000 đồng vào tài khoản nguyên đơn,

Ngày 10.12.2017 có 30.000.000 đồng vào tài khoản nguyên đơn,

Ngày 17.12.2017 có 30.000.000 đồng vào tài khoản nguyên đơn,

Ngày 24.12.2017 có 30.000.000 đồng vào tài khoản nguyên đơn,

Ngày 03.01.2018 có 30.000.000 đồng vào tài khoản nguyên đơn,

Ngày 11.01.2018 có 30.000.000 đồng vào tài khoản nguyên đơn,

Ngày 26.01.2018 có 40.000.000 đồng vào tài khoản nguyên đơn,

Tổng cộng số tiền báo có chuyển từ tài khoản bị đơn vào tài khoản của nguyên đơn là 280.000.000 đồng,

Như nguyên đơn trình bày, sau ngày lập biên bản thỏa thuận ngày 10 tháng 11 năm 2017, bị đơn đã thanh toán thêm, nhiều đợt cho nguyên đơn với tổng cộng số tiền là 280.000.000 đồng, nguyên đơn xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 1.002.251.250 đồng.

Xét, ý kiến trình bày của bị đơn: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn Công ty Cổ phần G đã tự từ bỏ quyền được chứng

minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Do bị đơn Công ty Cổ phần G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ mua hàng hóa cho nguyên đơn. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần G phải thanh toán số tiền mua hàng hóa là 1.002.251.250 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH P

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Theo đơn kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán thêm số tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trên số tiền còn nợ theo biên bản thỏa thuận ngày 10.11.2017;

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

Theo hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số: 01/GRO-PHN/HĐMB-2017 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, hợp đồng không có thỏa thuận về tiền lãi do chậm thanh toán. Nên các bên thỏa thuận lãi suất lãi 1%/ tháng (tức 12%) theo biên bản thỏa thuận ngày 10 tháng 11 năm 2017 không vượt quá mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

Tại Điều 2 của Biên bản thỏa thuận ngày 10 tháng 11 năm 2017 bị đơn có cam kết thanh toán số tiền nợ theo phương thức 30.000.000 đồng/ tuần cho đến khi hết số nợ trên cho bên B, đồng thời bị đơn còn thanh toán tiền lãi 1%/ tháng tính trên dư nợ còn lại vào chung đợt chi trả của tuần thứ tư, tuy nhiên quá trình thanh toán nợ của bị đơn không đúng thời gian đã cam kết với nguyên đơn, tính từ đợt thanh toán ngày 26/1/2018 thì bị đơn không tiếp tục thanh toán tiền nữa, nguyên đơn đã thông báo và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền hàng còn thiếu, nên nguyên đơn khởi kiện và tạm tính tiền lãi đến ngày 5/3/2018 là 153.008.522 đồng, theo mức lãi thỏa thuận 1%/ trong biên bản ngày 10/11/2017.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có thay đổi yêu cầu phân lãi suất, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 0.75%/tháng (9%/năm) cho đến khi bị đơn thanh toán hết số nợ trên, theo hồ sơ vụ án nguyên đơn yêu cầu thời gian từ ngày 26/01/2018 tạm tính đến ngày 26/10/2018, tương ứng số tiền 67.651.875 đồng. Đây là ý kiến sự tự nguyện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, việc tự nguyện tính lãi suất 9%/ năm của nguyên đơn là phù hợp và không trái quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[3.3] Xét, việc bị đơn Công ty Cổ phần G vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ 1.002.251.250 đồng + tiền lãi 67.651.875 đồng = 1.069.913.125 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do bị đơn có trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 1.069.913.125 đồng. Nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.097.394 đồng bị đơn Công ty Cổ phần G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH P được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ, nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.328.897 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm hai tám nghìn tám trăm chín bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0025281 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 55 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần G

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Xử, Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH P

Buộc Công ty Cổ phần G phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH P số tiền tổng cộng 1.069.913.125 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi chín triệu chín trăm mười ba ngàn một trăm hai mươi lăm đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 1.002.251.250 đồng (Một tỷ không trăm lẻ hai triệu hai trăm năm mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng) và tiền lãi là 67.651.875

đồng (Sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi một ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng), thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày nguyên đơn Công ty TNHH P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền còn thiếu nêu trên, thì hàng tháng bị đơn Công ty Cổ phần G còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất là 9%/năm tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.097.394 đồng (Bốn mươi bốn triệu không trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi bốn đồng) bị đơn Công ty Cổ phần G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 23.328.897 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm hai tám nghìn tám trăm chín bảy đồng) cho nguyên đơn Công ty TNHH P, theo biên lai thu số AA/2017/0025281 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền.

[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Công ty TNHH P có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Công ty Cổ phần G có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

[5]. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM;
- VKS ND Quận 7;
- THA Dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Trương Như Thủy